

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam
ban hành kèm theo Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT
ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT) như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT như sau:

1. Bổ sung các khoản 14, 15 và 16 Điều 3 như sau:

“14. Kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận công nhận năng lực các trạm thử, phòng thí nghiệm và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển.

15. Xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển để nhập khẩu.

16. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận thợ hàn, nhân viên kiểm tra vật liệu và chất lượng đường hàn bằng phương pháp không phá hủy đối với tàu biển.”

2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Duyệt thiết kế tàu biển, tài liệu hướng dẫn

Duyệt thiết kế tàu biển, tài liệu hướng dẫn là việc xem xét, đối chiếu sự phù hợp của hồ sơ thiết kế tàu biển, tài liệu hướng dẫn với quy định của các quy chuẩn,

tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Chủ tàu biển có nhu cầu để tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển, phải có giấy đề nghị gửi cho Tổ chức Đăng kiểm Việt Nam theo mẫu nêu tại Phụ lục VII.”

4. Bổ sung các Điều từ 9a đến 9m như sau:

“Điều 9a. Thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, fax, email hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

b) Tổ chức, cá nhân nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: giấy đề nghị (bản chính hoặc bản sao chụp trong trường hợp hồ sơ nộp qua fax hoặc email) theo mẫu nêu tại Phụ lục I đối với tàu đóng mới, Phụ lục II đối với cấp lần đầu giấy chứng nhận cho tàu đang khai thác, và Phụ lục III đối với cấp lại giấy chứng nhận cho tàu đang khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Giấy chứng nhận được cấp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra lần đầu, định kỳ; và trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra hàng năm, trên đà, trung gian, bất thường và bổ sung.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Yêu cầu, điều kiện cấp giấy chứng nhận

Tàu biển được cấp giấy chứng nhận phải thỏa mãn các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm chỉ dẫn thuyền viên đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9b. Thủ tục duyệt các tài liệu hướng dẫn tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra xem xét tài liệu: nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận duyệt tài liệu theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục IV và 03 bản tài liệu hướng dẫn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận duyệt tài liệu hướng dẫn và đóng dấu duyệt vào tài liệu.

6. Yêu cầu, điều kiện đối với tài liệu duyệt

Tài liệu hướng dẫn tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm chỉ dẫn thuyền viên đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9c. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra xem xét tài liệu: nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục V đối với thiết kế tàu biển đóng mới và Phụ lục VI đối với thiết kế tàu biển hoán cải hoặc sửa đổi; 02 bản tài liệu thiết kế (bản chính) và số bản tổ chức, cá nhân yêu cầu duyệt thêm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc theo thỏa thuận nếu thiết kế tàu mới hoặc phức tạp.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế.

6. Yêu cầu, điều kiện đối với thiết kế tàu biển

Hồ sơ thiết kế tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển của tàu biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9d. Thủ tục cấp giấy chứng nhận dung tích tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra hồ sơ, đo, tính dung tích và kiểm tra thực tế tại hiện trường và cấp giấy chứng nhận dung tích tàu biển.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục I đối với tàu đóng mới hoặc Phụ lục II đối với tàu đang khai thác; 01 bộ bản vẽ kỹ thuật thân tàu (bản sao chụp); và 01 giấy chứng nhận dung tích cũ của tàu đối với tàu đang khai thác (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc kiểm tra tàu.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận dung tích tàu biển.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Việc đo, tính và cấp giấy chứng nhận dung tích cho tàu phải thỏa mãn Quy chuẩn về đo dung tích tàu biển Việt Nam, Công ước Quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969, hoặc quy định đo dung tích của Panama, kênh Suez, của quốc gia tàu mang cờ quốc tịch.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9đ. Thủ tục cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển Việt Nam

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành xem xét hồ sơ: nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì lập văn bản ủy quyền theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính, fax, email hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 giấy đề nghị ủy quyền (bản chính hoặc bản sao chụp trong trường hợp hồ sơ nộp qua fax hoặc email) theo mẫu nêu tại Phụ lục VII và 01 giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam đối với tàu mới chuyển đăng ký (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cho tàu biển Việt Nam theo mẫu nêu tại Phụ lục VIII.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

a) Chỉ ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, phân cấp và cấp các giấy chứng nhận theo một hoặc các nội dung sau: kiểm tra và cấp giấy chứng nhận phân cấp theo quy phạm, tiêu chuẩn của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền; theo văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam; theo quy định của các điều ước quốc tế liên quan.

b) Quy phạm, tiêu chuẩn của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền có quy định về chất lượng, an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển không được thấp hơn các quy định tương ứng của văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền phải thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan; thực hiện sự hợp tác, chế độ trao đổi thông tin, báo cáo theo thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam; chấp hành các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 9e. Thủ tục xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển để nhập khẩu**1. Trình tự thực hiện**

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành xem xét hồ sơ: nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp văn bản xác nhận.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính, fax, email hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ**a) Thành phần hồ sơ**

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục IX và 01 hồ sơ giám định kỹ thuật tàu (bản chính hoặc bản sao chụp trong trường hợp hồ sơ nộp qua fax hoặc email).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**4. Thời hạn giải quyết**

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Văn bản xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển để nhập khẩu.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

a) Nếu hồ sơ giám định được thực hiện bởi tổ chức hoặc giám định viên độc lập nước ngoài thì tổ chức hoặc giám định viên độc lập đó phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận hoặc đánh giá công nhận có năng lực phù hợp cho việc giám định tàu. Các tổ chức đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận: các thành viên của Hiệp hội các tổ chức đăng kiểm Quốc tế (IACS).

b) Tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973

và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9g. Thủ tục cấp chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty

1. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với cá nhân về thời gian và địa điểm đào tạo.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ.

2. Cách thức thực hiện

Cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 văn bản đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục X và 01 ảnh màu cỡ 4 x 6 (cm) chụp trong thời gian không quá 6 tháng trở lại (mặt sau có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chứng chỉ được cấp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Cá nhân phải hoàn thành khóa đào tạo cán bộ quản lý an toàn công ty với kết quả thi cuối khóa đạt yêu cầu.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9h. Thủ tục cấp giấy chứng nhận công nhận năng lực trạm thử, phòng thí nghiệm và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: nếu không đạt thì trả lời tổ chức cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục XI và 01 bộ tài liệu chứng nhận (bản sao chụp) bao gồm sổ tay chất lượng và các quy trình làm việc liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận công nhận trạm thử, phòng thí nghiệm và cơ sở chế tạo.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Đáp ứng thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, trạm

thử, phòng thí nghiệm và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9i. Thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho công-te-nơ, máy, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: nếu không đạt thì trả lời tổ chức cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần

01 giấy đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục XII; 01 bộ hồ sơ kỹ thuật (bản chính) bao gồm thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử công-te-nơ, máy, trang thiết bị trong quá trình sản xuất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Đáp ứng thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu; ngoài ra, công-te-nơ, máy, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và Nghị định thư năm 1978; Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969; Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển năm 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển năm 1972 nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9k. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thợ hàn, nhân viên kiểm tra vật liệu và chất lượng đường hàn bằng phương pháp không phá hủy đối với tàu biển

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra tay nghề thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra tay nghề thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: nếu không đạt thì trả lời tổ chức cá nhân bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

01 văn bản đề nghị (bản chính) theo mẫu nêu tại Phụ lục XIII và 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 (cm) chụp trong thời gian không quá 6 tháng trở lại (mặt sau có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi hoàn tất việc kiểm tra tay nghề đạt kết quả.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận.

6. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Đáp ứng thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 91. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý an toàn của công ty tàu biển theo Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế

1. Trình tự thực hiện

a) Công ty tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công ty tàu biển hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn đánh giá thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm đánh giá.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tại công ty tàu biển: nếu không đạt thì trả lời công ty tàu biển bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

a) Công ty tàu biển nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, fax, email hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

b) Công ty tàu biển nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: giấy đề nghị theo mẫu nêu tại Phụ lục XIV (bản chính hoặc bản sao chụp trong trường hợp hồ sơ nộp qua fax hoặc email).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Giấy chứng nhận được cấp trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành đánh giá công ty.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận.

6. Yêu cầu, điều kiện cấp giấy chứng nhận

Hệ thống quản lý an toàn của công ty tàu biển phải thỏa mãn quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.

Điều 9m. Thủ tục cấp Giấy chứng quản lý an toàn theo Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế cho tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Công ty tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công ty tàu biển hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn đánh giá thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm đánh giá.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tại tàu biển: nếu không đạt thì trả lời công ty tàu biển bằng văn bản; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

a) Công ty tàu biển nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, fax, email hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

b) Công ty tàu biển nhận kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: giấy đề nghị theo mẫu nêu tại Phụ lục XV (bản chính hoặc bản sao chụp trong trường hợp hồ sơ nộp qua fax hoặc email).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Giấy chứng nhận được cấp trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành đánh giá tàu.

5. Kết quả thực hiện thủ tục

Giấy chứng nhận.

6. Yêu cầu, điều kiện cấp giấy chứng nhận

Hệ thống quản lý an toàn của tàu biển phải thỏa mãn quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế.

7. Phí và lệ phí

Mức thu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho cơ quan cấp giấy chứng nhận.”

5. Thêm cụm từ “trạm thử, phòng thí nghiệm” vào sau cụm từ “sửa chữa tàu biển,” tại tiêu đề của Điều 11, khoản 2 Điều 11 và khoản 1, khoản 2 Điều 12.

6. Bãi bỏ Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy định này.

7. Bổ sung các Phụ lục mới từ I đến XV.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHO TÀU BIỂN

(Áp dụng cho tàu biển đóng mới/hoán cải lớn)

(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO TÀU BIỂN
(Áp dụng cho tàu biển đóng mới/hoán cải lớn)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Tên và địa chỉ					Chữ ký và đóng dấu	
					Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử	

Chúng tôi đề nghị Quý Cục thực hiện việc kiểm tra để đăng ký và cấp các giấy chứng nhận được nêu ở mẫu VA.NB-1 đính kèm. Đề nghị này được lập dựa trên cơ sở chúng tôi chấp nhận áp dụng các quy định của QUY PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP và CÁC QUY PHẠM CÓ LIÊN QUAN của VIỆT NAM. Chúng tôi đồng ý thanh toán tất cả các loại phí kiểm tra và các chi phí khác liên quan đến việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận nêu trên, cho dù cấp tàu và/hoặc các hệ thống có được đăng ký hay không.

THÔNG TIN VỀ TÀU (Các thông số chính của thân tàu và hệ thống động lực được nêu tại mẫu VA.NB-1)

Tên và địa chỉ nhà máy đóng tàu	☐ Ghi “X” nếu nhà máy đóng tàu lập đề nghị, và không cần phải ghi tên và địa chỉ nhà máy đóng tàu trong ô này.	Số thân tàu/số của nhà máy		
		“Ngày hợp đồng đóng/hoán cải lớn tàu” ⁽¹⁾ hoặc “Ngày mà việc lựa chọn được thực hiện” ⁽²⁾		
		Tàu này là tàu lựa chọn? ^{(2) (3)}	Có ☐	Không ☐
		Ngày hợp đồng đóng/hoán cải lớn của tàu cùng loạt đầu tiên ⁽³⁾		

Chủ tàu sau khi tàu hoàn thành đóng mới (Chủ tàu được nêu trong giấy chứng nhận đăng ký tàu)	☐ Chưa quyết định ☐ Tên chủ tàu:			Số thân tàu/số của nhà máy của tàu cùng loạt đầu tiên ⁽³⁾	
				Ngày dự kiến đặt sống chính/bắt đầu hoán cải Ngày dự kiến hạ thủy Ngày dự kiến hoàn thành	
Quốc tịch dự kiến		Cảng đăng ký		Số lượng và kiểu máy chính	
Công dụng tàu		Tổng dung tích dự kiến		C.suất liên tục lớn nhất của máy chính	
Vùng hoạt động dự kiến của tàu	☐ Tuyến quốc tế/ ☐ Không phải tuyến quốc tế ☐ Không hạn chế/ ☐ Hạn chế (chỉ rõ hạn chế I, II hoặc III):				
Cấp của Đăng kiểm khác ⁽⁴⁾					

(1) Đề nghị ghi “Ngày hợp đồng đóng/hoán cải lớn tàu” được ký giữa chủ tàu và nhà máy đóng tàu hoặc “Ngày dự kiến của hợp đồng”. Trong trường hợp ngày hợp đồng đóng/hoán cải lớn tàu được thay đổi, đề nghị thông báo ngay cho VR.

(2) Nếu tàu là tàu lựa chọn, đề nghị ghi “ngày mà việc lựa chọn được thực hiện”.

(3) Nếu tàu là tàu lựa chọn, đề nghị ghi “X” vào ô “Có” và ghi “Ngày hợp đồng đóng/hoán cải lớn của tàu cùng loạt đầu tiên”, và “Số thân tàu/số của nhà máy của tàu cùng loạt đầu tiên”.

Trong đó: Tàu lựa chọn: Một loạt các tàu cùng loạt (sister ships), mà việc lựa chọn đã được thực hiện, và được đóng mới/hoán cải theo cùng thiết kế đã được VR duyệt phục vụ cho việc phân cấp, theo một hợp đồng đóng mới/hoán cải tàu.

Tàu cùng loạt đầu tiên: Chiếc tàu đầu tiên của loạt tàu cùng loạt được đóng mới/hoán cải theo cùng thiết kế đã được VR duyệt phục vụ cho việc phân cấp, theo một hợp đồng đóng mới/hoán cải tàu.

Nếu tàu không phải là tàu lựa chọn, ghi “X” vào ô “Không”.

(4) Đề nghị ghi cấp tàu của tổ chức Đăng kiểm khác trong trường hợp tàu có mang đồng thời cấp của tổ chức đó.

ĐĂNG KÝ

Phân cấp tàu đóng mới/hoán cải lớn	Ký hiệu và dấu hiệu cấp thân tàu	
	Ký hiệu cấp máy chính	
	Dấu hiệu mô tả	
	Mô tả đặc biệt	☐ n.s. ☐ n.f. ☐ Loại khác (diễn giải):

Đăng ký các hệ thống tàu đóng mới/hoán cải lớn	☐ Trang thiết bị an toàn
	☐ Trang bị vô tuyến điện
	☐ Khu vực sinh hoạt của thuyền viên
	☐ Hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển
	☐ Hệ thống điều khiển tự động và từ xa (☐ MC ☐ M0 ☐ M0.A ☐ M0.B ☐ M0.C ☐ M0.D)
	☐ Hệ thống buồng lái (☐ BRS ☐ BRS1 ☐ BRS1A)
	☐ Thiết bị nâng hàng
	☐ Hệ thống bảo quản máy phòng ngừa
	☐ Hệ thống làm lạnh hàng (☐ RMC* ☐ RMC*.CA)
☐ Hệ thống kiểm soát cháy tích hợp (☐ IFC.M ☐ IFC.A ☐ IFC.AM)	
☐ Hệ thống chống hà (☐ AFS)	
☐ Hệ thống khác (diễn giải):	

Đính kèm: ☐ Mẫu VA.NB-1 ☐ Mẫu VA.NB DG-BC ☐ Mẫu VA.NB CG ☐ Mẫu VA.NB-C

Gửi sau: ☐ Mẫu VA.NB-1 ☐ Mẫu VA.NB DG-BC ☐ Mẫu VA.NB CG ☐ Mẫu VA.NB-C

Miễn gửi (Số thân tàu của tàu cùng loạt:): ☐ Mẫu VA.NB-1 ☐ Mẫu VA.NB DG-BC
☐ Mẫu VA.NB CG ☐ Mẫu VA.NB-C

LIÊN HỆ VỀ THANH TOÁN PHÍ (Đề nghị ghi thông tin vào phần này nếu tổ chức/cá nhân chịu trách nhiệm thanh toán phí không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị)

Tên và địa chỉ				Chữ ký và đóng dấu	
				Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử

Nội bộ VR sử dụng	Ngày tiếp nhận		Số tiếp nhận	
-------------------	----------------	--	--------------	--

Ghi chú: 1. Đề nghị gửi mẫu này đến Chi cục Đăng kiểm gần nhất.

2. Nếu bất kỳ thông tin liên quan nào chưa được quyết định tại thời điểm lập mẫu này, đề nghị ghi “Chưa xác định” vào ô tương ứng.

3. Nếu bất kỳ thông tin nào nêu trong mẫu này thay đổi hoặc đã xác định được các nội dung “Chưa xác định”, đề nghị thông báo cho Chi cục Đăng kiểm gần nhất. Trong trường hợp VR phát hiện bất kỳ thông tin nào nêu trong mẫu này được thay đổi trong quá trình giám sát kỹ thuật, tổ chức/cá nhân đề nghị sẽ được thông báo cụ thể.

(Đính kèm theo mẫu VA.NB, nếu cần thiết)

**KIỂM TRA, GIẤY CHỨNG NHẬN
VÀ CÁC THÔNG SỐ CHÍNH**

Ngày đề nghị kiểm tra phân cấp	
Ngày đệ trình	☐ Giống như trên/

Nhà máy đóng tàu	☐ Là tổ chức/cá nhân đề nghị.	Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	--	-------------------------------	--

KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận theo luật	Kiểm tra	Giấy chứng nhận	Kiểm tra	Giấy chứng nhận
	☐	☐ Mạn khô (<i>Đề nghị ghi vào phần “Các thông số chính của mạn khô”.</i>)	☐	☐ Phù hợp chở xô hàng nguy hiểm (<i>Ghi vào phần “Các thông số chính của hàng nguy hiểm”</i>)
	☐	☐ An toàn tàu khách	☐	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do dầu
	☐	☐ An toàn tàu cao tốc	☐	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc hại chở xô
	☐	☐ An toàn kết cấu tàu hàng	☐	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải
	☐	☐ An toàn trang thiết bị tàu hàng	☐	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm không khí
	☐	☐ Miễn giảm (☐ Hệ thống cứu hỏa cố định)	☐	☐ Hệ thống chống hà
	☐	☐ An toàn trang thiết bị (<i>Không áp dụng công ước</i>)	☐	☐ Khả năng đi biển
	☐	☐ Phù hợp chở xô hóa chất nguy hiểm	☐	☐ Giấy phép khai thác tàu cao tốc
	☐	☐ Phù hợp chở xô khí hóa lỏng	☐	☐ Sổ tay xếp hàng hạt
			☐ Loại khác (diễn giải):	
Giấy chứng nhận dung tích	Đo dung tích Giấy chứng nhận			
	☐	☐ Dung tích quốc tế		
	☐	☐ Tài liệu PC/UMS về tổng thể tích (Kênh Panama)		
	☐	☐ Kênh Suez		
	☐	☐ Dung tích quốc gia (Quy định đo dung tích áp dụng:)		
Ấn định	☐ Mạn khô			

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA THÂN TÀU

Lpp x B x D x d (m)		Trọng tải (tấn)	
Số thân tàu/số của nhà máy của (các) tàu cùng loạt ⁽¹⁾		Tàu chở than	☐ Có ☐ Không

(1) Đề nghị ghi vào phần này nếu tàu cùng loạt đã được đăng ký bởi VR.

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA HỆ THỐNG ĐỘNG LỰC TÀU

Máy chính	Kiểu		
	Công suất và vòng quay lớn nhất	kW/PS x	vòng/phút
	Nhà sản xuất		
Chân vịt	Số lượng, kiểu và vòng quay	x x	vòng/phút
	Kiểu trục chân vịt	☐ 1A ☐ 1B ☐ 1C ☐ 2	☐ PSCM

Nồi hơi	Kiểu và áp suất làm việc lớn nhất	MPa. kg/cm ²
☐ Chính	Nhà sản xuất	
☐ Phụ		
Máy phát điện	Tổng công suất	kVA

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH VỀ MẠN KHÔ

Kiểu tàu	☐ A ☐ B ☐ B+ ☐ B-60 ☐ B-100	Mạn khô chờ gổ	☐ Có ☐ Không
Mạn khô mùa hè dự kiến (m)		☐ Hệ thống nhiều dẫu mạn khô	

SỐ NGƯỜI LỚN NHẤT TRÊN TÀU

Số người lớn nhất trên tàu	Tổng số: (Khách: Thuyền bộ: Người khác:)
----------------------------	---

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA HỆ THỐNG LÀM LẠNH HÀNG

(Ghi vào phần này nếu đề nghị đăng ký hệ thống làm lạnh hàng)

Cấp dự kiến					
Kiểu chất làm lạnh		Hệ thống làm mát		Tổng thể tích khoang hàng	m ³

(Đính kèm theo mẫu VA.NB, nếu cần thiết)

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHỖ HÀNG NGUY HIỂM & GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHỖ XÔ HÀNG RỜI

Ngày đề nghị kiểm tra phân cấp	
Ngày đệ trình	☐ Giống như trên/

Nhà máy đóng tàu	☐ Là tổ chức/cá nhân đề nghị	Số thân tàu/số của nhà máy	
------------------	---	----------------------------	--

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHỖ HÀNG NGUY HIỂM

Chở xô hàng rời rã	Nơi xếp hàng	☐ Hàm hàng số: ☐ Vị trí khác (diễn giải):
	Cấp hàng nguy hiểm	☐ 4.1 ☐ 4.2 ☐ 4.3 ☐ 5.1 ☐ 6.1 ☐ 8 ☐ 9
	(1) Ghi vào phần này nếu phải áp dụng các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể nhằm đáp ứng thỏa mãn các quy định liên quan	☐ Các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể ⁽¹⁾ :

	Nơi xếp hàng	☐ Boong thời tiết	☐ Hàm hàng số:	☐ Vị trí khác (diễn giải):				
Hàng nguy hiểm khác	Cấp hàng nguy hiểm	☐ 1.1-1.6	☐ 1.4S	☐ 2.1	☐ 2.2	☐ 2.3	☐ 3.1, 3.2	☐ 3.3
	(1) Đề nghị ghi vào phần này nếu phải áp dụng các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể nhằm đáp ứng thỏa mãn các quy định liên quan	☐ 4.1	☐ 4.2	☐ 4.3	☐ 5.1	☐ 5.2		
		☐ 6.1 (Tất cả)						
		☐ 6.1 (lỏng: điểm bắt cháy (°C) ☐ dưới 23° ☐ giữa 23° và 61°						
		☐ trên 61°) ☐ rắn						
		☐ 8 (Tất cả)						
		☐ 8 (lỏng: điểm bắt cháy (°C) ☐ dưới 23° ☐ giữa 23° và 61°						
		☐ trên 61°) ☐ rắn						
		☐ 9						
		☐ Các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể ⁽¹⁾ :						

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHỖ XÔ HÀNG RÒI RẮN

Giấy chứng nhận phù hợp chở xô hàng rời rảnh	☐ Hàng phụ lục A (☐ có/ ☐ không có hạn chế hàm lượng ẩm của hàng) ☐ Hàng phụ lục C ☐ Hàng phụ lục B (<i>Liệt kê tất cả các loại hàng</i>)

Ghi chú: Nếu không thể lập mẫu này tại thời điểm gửi đề nghị, thì phải lưu ý lập mẫu này trước khi trình các bản vẽ liên quan để duyệt (bao gồm cả các bản vẽ của nhà sản xuất).

(Đính kèm theo mẫu VA.NB, nếu cần thiết)

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA THIẾT BỊ NÂNG HÀNG

Ngày đề nghị kiểm tra phân cấp	
Ngày đệ trình	☐ Giống như trên/

Nhà máy đóng tàu	☐ Là tổ chức/cá nhân đề nghị	Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	---	-------------------------------	--

THIẾT BỊ NÂNG HÀNG (CẦN CẦU DERRICK/CẦN TRỤC)

Vị trí và mô tả cùng với số hoặc dấu hiệu phân biệt, nếu có	Tải trọng làm việc an toàn dự kiến (tấn) - góc nhỏ nhất cho phép (độ) hoặc bán kính lớn nhất cho phép (m)			
	Tải trọng	Góc/Bán kính	Kép	
			Tải trọng	Góc/Bán kính

HỆ THỐNG LÀM VIỆC GHÉP ĐÔI (*Ghi thông tin vào bản số liệu dưới đây*)

Vị trí và mô tả cùng với số hoặc dấu hiệu phân biệt, nếu có	Tải trọng làm việc an toàn dự kiến (tấn) - góc nhỏ nhất cho phép (độ) hoặc bán kính lớn nhất cho phép (m)			
	Tải trọng làm việc an toàn	Góc dây cáp lớn nhất	Hệ thống tạt	
			Tải trọng	Góc/Bán kính

Bản số liệu của hệ thống làm việc ghép đôi^{(1) (2)}

- ☐ Vị trí của cần cẩu derrick: Ổ trước/sau của hầm hàng số ()
☐ Khoảng cách của khuyên móc dưới từ boong cao nhất⁽³⁾: Cần trong tàu () m
 Cần ngoài tàu () m

(Đính kèm theo mẫu VA.NB, nếu cần thiết)

CÁC CHỨNG NHẬN KHÁC

Ngày đề nghị kiểm tra phân cấp	
Ngày đệ trình	☐ Giống như trên/

Nhà máy đóng tàu	☐ Là tổ chức/cá nhân đề nghị	Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	---	-------------------------------	--

CÁC CHỨNG NHẬN KHÁC

Chứng nhận thiết bị nâng hàng	☐ Sổ đăng ký thiết bị nâng hàng ☐ Giấy chứng nhận thiết bị nâng hàng ⁽¹⁾ ☐ Cần cầu derrick ☐ Cần cầu derrick làm việc ghép đôi ☐ Cần trục ☐ Cầu xe, thang máy nâng hàng (1) Bao gồm các bộ phận tháo được (trừ dây cáp) & dây cáp. ☐ Loại khác (diễn giải):	
Giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của quốc gia tàu treo cờ (Ghi rõ quy định quốc gia áp dụng.)		
Chứng nhận theo quy định của USCG	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm dầu (33CFR Part155) ☐ Tàu chở khí lỏng (46CFR Part154) ☐ Hệ thống kiểm soát hơi hàng (46CFR Part39) ☐ Loại khác (diễn giải):	
(Các) giấy chứng nhận khác	☐ Khu vực sinh hoạt của thuyền viên ☐ Chứng nhận mạn khô ☐ Chứng nhận trọng tải ☐ Giấy chứng nhận đặt sống chính ☐ Loại khác (diễn giải):	

Phụ lục II
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHO TÀU BIỂN

(Áp dụng cho kiểm tra lần đầu tàu biển đang khai thác)

(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO TÀU BIỂN
(Áp dụng cho kiểm tra lần đầu tàu biển đang khai thác)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Tên và địa chỉ					Chữ ký và dấu	
					Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử	

Chúng tôi đề nghị Quý Cục thực hiện việc kiểm tra để đăng ký và cấp các giấy chứng nhận được nêu ở mẫu VA.ES-1 đính kèm. Chúng tôi chấp nhận các quy định của QUY PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP, và CÁC QUY PHẠM TÀU BIỂN LIÊN QUAN của VIỆT NAM. Chúng tôi đồng ý thanh toán tất cả các loại phí kiểm tra và các chi phí khác liên quan đến việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận nêu trên, cho dù cấp tàu và/hoặc các hệ thống có được đăng ký hay không.

THÔNG TIN VỀ TÀU (Các thông số chính của thân tàu và máy tàu được nêu tại mẫu VA.ES-2.)

Tên tàu		Số IMO.	
Nhà máy đóng tàu		Ngày hợp đồng	
Tên và địa chỉ		Ngày đặt sống chính	
Số thân tàu/số của nhà máy		Ngày hạ thủy	
		Ngày hoàn thành	
Quốc tịch		Cảng đăng ký	
Quốc tịch cũ		Cấp tàu cũ	

Công dụng của tàu		Tổng dung tích	
Thời gian kiểm tra	Từ: đến:	Cấp tàu khác ⁽¹⁾	
Địa điểm kiểm tra			
Vùng hoạt động dự kiến của tàu	☐ Tuyến quốc tế/ ☐ Không phải tuyến quốc tế ☐ Không hạn chế/ ☐ Hạn chế (chỉ rõ mức hạn chế):		

(1) Đề nghị ghi cấp tàu của tổ chức Đăng kiểm khác trong trường hợp tàu có mang đồng thời cấp của tổ chức đó.

ĐĂNG KÝ

Phân cấp tàu được đóng mới không có sự giám sát của VR	Ký hiệu và dấu hiệu cấp thân tàu	
	Ký hiệu cấp máy chính	
	Dấu hiệu mô tả	
	Mô tả đặc biệt	☐ n.s. ☐ n.f. ☐ Loại khác (diễn giải):
Đăng ký thiết bị của tàu được đóng mới không có sự giám sát của VR	☐ Trang thiết bị an toàn ☐ Trang bị vô tuyến điện ☐ Khu vực sinh hoạt của thuyền viên ☐ Hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển ☐ Hệ thống điều khiển tự động và từ xa ☐ MC ☐ M0 ☐ M0.A ☐ M0.B ☐ M0.C ☐ M0.D ☐ Hệ thống buồng lái ☐ BRS BRS1 BRS1A ☐ Thiết bị nâng hàng ☐ Hệ thống bảo quản máy phòng ngừa ☐ Hệ thống làm lạnh hàng (☐ RMC* ☐ RMC*.CA) ☐ Hệ thống kiểm soát cháy tích hợp ☐ IFC.M ☐ IFC.A ☐ IFC.AM ☐ Hệ thống chống hà ☐ AFS ☐ Hệ thống khác (diễn giải):	

Đính kèm: ☐ Mẫu VA.ES-1 ☐ Mẫu VA.ES-2 ☐ Mẫu VA.ES-3 ☐ Mẫu VA.ES-4-1 ☐ Mẫu VA.ES-4-2

LIÊN HỆ VỀ THANH TOÁN PHÍ (Đề nghị ghi thông tin vào phần này nếu tổ chức/cá nhân chịu trách nhiệm thanh toán phí không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị)

Tên và địa chỉ					Chữ ký và/hoặc dấu	
					Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử	

Nội bộ VR sử dụng	Ngày tiếp nhận		Số tiếp nhận	
-------------------	----------------	--	--------------	--

Ghi chú:

1. Đề nghị gửi mẫu này đến Chi cục Đăng kiểm gần nhất.
2. Nếu bất kỳ thông tin liên quan nào chưa được quyết định tại thời điểm lập mẫu này, đề nghị ghi “Chưa xác định” vào ô tương ứng.
3. Nếu bất kỳ thông tin nào nêu trong mẫu này thay đổi hoặc nội dung chưa quyết định được xác định, đề nghị thông báo cho Chi cục Đăng kiểm gần nhất.

(Đính kèm theo mẫu VA.ES, nếu cần thiết)

Nhà máy đóng tàu		Số thân tàu/số của nhà máy	
------------------	--	----------------------------	--

KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận theo luật	Kiểm tra	Giấy chứng nhận	Kiểm tra	Giấy chứng nhận
	☐ ☐ Mạn khô (<i>Đề nghị ghi vào phần “Các thông số chính của mạn khô”.</i>) ☐ ☐ An toàn tàu khách ☐ ☐ An toàn tàu cao tốc ☐ ☐ An toàn kết cấu tàu hàng ☐ ☐ An toàn trang thiết bị tàu hàng ☐ ☐ Miễn trừ ☐ ☐ (☐ Hệ thống cứu hỏa cố định) ☐ ☐ An toàn trang thiết bị (<i>Không áp dụng công ước</i>) ☐ ☐ Phù hợp chở xô hóa chất nguy hiểm ☐ ☐ Phù hợp chở xô khí hóa lỏng	☐ ☐ Phù hợp chở xô hàng nguy hiểm (<i>Đề nghị ghi vào phần “Các thông số chính của hàng nguy hiểm”.</i>) ☐ ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do dầu ☐ ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc hại chở xô ☐ ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải ☐ ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm không khí ☐ ☐ Hệ thống chống hà ☐ ☐ Khả năng đi biển ☐ ☐ Giấy phép khai thác tàu cao tốc ☐ ☐ Sổ tay xếp hàng hạt Loại khác (diễn giải):		
Giấy chứng nhận dung tích	Đo dung tích Giấy chứng nhận ☐ ☐ Dung tích quốc tế ☐ ☐ Tài liệu PC/UMS về tổng thể tích (Kênh Panama) ☐ ☐ Kênh Suez ☐ ☐ Dung tích quốc gia (Quy định đo dung tích áp dụng:)			
Ấn định	☐ Mạn khô			

Chứng nhận thiết bị nâng hàng (Đề nghị ghi thông số chính của thiết bị nâng hàng trong Mẫu ES.AV-4-1.)	☐ Sổ đăng ký thiết bị nâng hàng ☐ Giấy chứng nhận thiết bị nâng hàng⁽¹⁾ ☐ Cần cầu derrick ☐ Cần cầu derrick làm việc ghép đôi ☐ Cần trục ☐ Cầu xe, thang máy nâng hàng (1) Bao gồm các bộ phận tháo được (trừ dây cáp) & dây cáp. ☐ Loại khác (diễn giải):	
Giấy chứng nhận phù hợp chở xô hàng rời rắn	☐ Hàng phụ lục A (☐ có/☐ không có hạn chế hàm lượng ẩm của hàng) ☐ Hàng phụ lục C ☐ Hàng phụ lục B (Đề nghị liệt kê tất cả các loại hàng.)	
Giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của quốc gia tàu treo cờ (Đề nghị chỉ rõ quy định quốc gia áp dụng)		
Chứng nhận theo quy định của USCG	☐ Ngăn ngừa ô nhiễm dầu 33CFR Part155 ☐ Tàu chở khí lỏng (46CFR Part154) ☐ Hệ thống kiểm soát hơi hàng (46CFR Part39) ☐ Loại khác (diễn giải):	
(Các) giấy chứng nhận khác	☐ Khu vực sinh hoạt của thuyền viên ☐ Chứng nhận mạn khô ☐ Chứng nhận trọng tải ☐ Giấy chứng nhận đặt sống chính ☐ Loại khác (diễn giải):	

(Đính kèm theo mẫu VA.ES, nếu cần thiết)

Nhà máy đóng tàu		Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	--	-------------------------------	--

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA THÂN TÀU

Lpp x B x D x d (m)	☐ ☐ x	Trọng tải (t)	
Số thân tàu/số của nhà máy của (các) tàu cùng loại ⁽¹⁾		Tàu chở than	☐ Có ☐ Không
Tàu cá	Kiểu	Các hạn chế	

(1) Đề nghị ghi vào phần này nếu tàu cùng loại đã được đăng ký bởi VR.

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA MÁY TÀU

Máy chính	Kiểu		
	Công suất và vòng quay lớn nhất	kW ☐ PS	☐ vòng/phút
	Nhà sản xuất		
Chân vịt	Số lượng, kiểu và vòng quay	☐ ☐ vòng/phút	
	Kiểu trục chân vịt	☐ 1A ☐ 1B ☐ 1C ☐ 2	☐ PSCM
Nồi hơi ☐ Chính ☐ Phụ	Kiểu và áp suất làm việc lớn nhất	MPa ☐ kg/cm ²	
	Nhà sản xuất		
Máy phát điện	Tổng công suất	kVA	

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA MẠN KHÔ

Kiểu tàu	☐ A ☐ B ☐ B ☐ B-60 ☐ B-100	Mạn khô chở gỗ	☐ Có ☐ Không
Mạn khô mùa hè dự kiến (m)		☐ Hệ thống nhiều dầu mạn khô	

SỐ NGƯỜI LỚN NHẤT TRÊN TÀU

Số người lớn nhất trên tàu	Tổng số: (Khách: Thuyền bộ: Người khác:)
----------------------------	---

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA HỆ THỐNG LÀM LẠNH HÀNG

(Ghi vào phần này nếu đề nghị đăng ký hệ thống làm lạnh hàng)

Cấp dự kiến				
Kiểu chất làm lạnh		Hệ thống làm mát		Tổng thể tích khoang hàng m ³

(Đính kèm theo mẫu VA.ES, nếu cần thiết)

Nhà máy đóng tàu		Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	--	-------------------------------	--

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH VỀ CHỖ HÀNG NGUY HIỂM

Chở xô hàng rời rắn	Nơi xếp hàng	☐ Hàm hàng số:	☐ Vị trí khác (diễn giải):
	Cấp hàng nguy hiểm (1) <i>Đề nghị ghi vào phần này nếu phải áp dụng các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể nhằm đáp ứng thỏa mãn các quy định liên quan.</i>	☐ 4.1 ☐ 4.2 ☐ 4.3 ☐ 5.1 ☐ 6.1 ☐ 8 ☐ 9 ☐ Các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể ⁽¹⁾ :	
Hàng nguy hiểm khác	Nơi xếp hàng	☐ Boong thời tiết ☐ Hàm hàng số:	☐ Vị trí khác (diễn giải):
	Cấp hàng nguy hiểm (1) <i>Đề nghị ghi vào phần này nếu phải áp dụng các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể nhằm đáp ứng thỏa mãn các quy định liên quan.</i>	☐ 1.1-1.6 ☐ 1.4S ☐ 2.1 ☐ 2.2 ☐ 2.3 ☐ 3.1, 3.2 ☐ 3.3 ☐ 4.1 ☐ 4.2 ☐ 4.3 ☐ 5.1 ☐ 5.2 ☐ 6.1 (Tất cả) ☐ 6.1 (lỏng: điểm bắt cháy (°C) ☐ dưới 23° ☐ giữa 23° và 61° ☐ trên 61°) ☐ rắn ☐ 8 (Tất cả) ☐ 8 (lỏng: điểm bắt cháy (°C) ☐ dưới 23° ☐ giữa 23° và 61° ☐ trên 61°) ☐ rắn ☐ 9 ☐ Các hạn chế về xếp loại hàng cụ thể ⁽¹⁾ :	

(Đính kèm theo mẫu VA.ES, nếu cần thiết)

THÔNG SỐ CHÍNH CỦA THIẾT BỊ NÂNG HÀNG

Nhà máy đóng tàu		Số thân tàu/số của nhà máy	
---------------------	--	-------------------------------	--

THIẾT BỊ NÂNG HÀNG (CÀN CẦU DERRICK/CÀN TRỤC)

Vị trí và mô tả cùng với số hoặc dấu hiệu phân biệt, nếu có	Tải trọng làm việc an toàn dự kiến (tấn) - góc nhỏ nhất cho phép (độ) hoặc bán kính lớn nhất cho phép (m)			
	Tải trọng	Góc/Bán kính	Kép	
			Tải trọng	Góc/Bán kính

HỆ THỐNG LÀM VIỆC GHÉP ĐÔI ☐ Đề nghị ghi thông tin vào mẫu VA.ES-4-2.

Vị trí và mô tả cùng với số hoặc dấu hiệu phân biệt, nếu có	Tải trọng làm việc an toàn dự kiến (tấn) - góc nhỏ nhất cho phép (độ) hoặc bán kính lớn nhất cho phép (m)			
	Tải trọng làm việc an toàn	Góc dây cáp lớn nhất	Hệ thống tạt	
			Tải trọng	Góc/Bán kính

CẦU XE/THANG MÁY NÂNG HÀNG

Vị trí và mô tả cùng với số hoặc dấu hiệu phân biệt, nếu có	Tải trọng làm việc an toàn dự kiến (tấn)	Lưu ý

Phụ lục III
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHO TÀU BIỂN

(Áp dụng cho kiểm tra chu kỳ tàu biển đang khai thác)

(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO TÀU BIỂN

(Áp dụng cho kiểm tra chu kỳ tàu biển đang khai thác)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Tên và địa chỉ					Chữ ký và dấu	
					Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử	

Chúng tôi đề nghị Quý Cục thực hiện việc kiểm tra và/hoặc cấp/xác nhận các giấy chứng nhận được nêu dưới đây. Chúng tôi chấp nhận các quy định của QUY PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP và CÁC QUY PHẠM TÀU BIỂN LIÊN QUAN của CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM. Chúng tôi đồng ý thanh toán tất cả các loại phí kiểm tra và các chi phí khác liên quan đến việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận nêu trên, được ghi trong hóa đơn đăng kiểm, cho dù việc kiểm tra có được hoàn thành hay không.

LIÊN HỆ VỀ THANH TOÁN PHÍ

(Đề nghị ghi thông tin vào phần này nếu tổ chức/cá nhân chịu trách nhiệm thanh toán phí không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị)

Tên và địa chỉ					Chữ ký và dấu	
					Tên viết bằng chữ in hoa	
	Điện thoại		Fax		Thư điện tử	

Chúng tôi cam kết thanh toán tất cả các loại phí kiểm tra và các chi phí khác liên quan đến việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận nêu trên.

ĐẶC TRƯNG TÀU

Tên tàu: _____ Tổng DT: _____ Số phân cấp: _____

Chủ tàu: _____ Số IMO: _____ Cấp của Đăng kiểm khác (nếu có): _____

PHẠM VI KIỂM TRA

1. Loại kiểm tra đề nghị thực hiện (Đánh dấu vào ô tương ứng)

(1) Kiểm tra duy trì cấp tàu

- ☐ Kiểm tra định kỳ (SS), lần thứ: (_____) : (☐ Bắt đầu/ ☐ Chưa hoàn thành/ ☐ Hoàn thành)
- ☐ Kiểm tra trung gian (IS) : (☐ Bắt đầu/ ☐ Chưa hoàn thành/ ☐ Hoàn thành)
- ☐ Kiểm tra hàng năm (AS)
- ☐ Kiểm tra trên đà (DS) : (☐ Kiểm tra trên đà thông thường/ ☐ Kiểm tra dưới nước thay cho kiểm tra trên đà)
- ☐ Kiểm tra trực chân vịt (PS) : Số 1 (☐ Kiểm tra thông thường/ ☐ Kiểm tra một phần)
: Số 2 (☐ Kiểm tra thông thường/ ☐ Kiểm tra một phần)
- ☐ Kiểm tra nổi hơi (BS) : ☐ Số 1 ☐ Số 2 ☐ Số 3
- ☐ Kiểm tra máy theo kế hoạch (PMS) : ☐ Kiểm tra liên tục máy (CMS)
- ☐ Kiểm tra bất thường (OS): (Nội dung: _____)

(2) Kiểm tra hệ thống

- ☐ Thiết bị nâng hàng (CHG): ☐ Tổng kiểm tra hàng năm ☐ Thử tải ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống điều khiển tự động và từ xa: [☐ MC/ ☐ M0/ ☐ M0A/ ☐ M0B/ ☐ M0C/ ☐ M0D]
☐ Định kỳ ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống làm lạnh hàng (RMC): ☐ Định kỳ (☐ Bắt đầu/ ☐ Chưa hoàn thành/ ☐ Hoàn thành)
☐ Liên tục (CRS) ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống buồng lái (BRS): ☐ Định kỳ ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống bảo dưỡng máy phòng ngừa: ☐ Định kỳ ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống k.soát cháy tích hợp (IFC): ☐ Định kỳ ☐ Trung gian ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống giám sát thân tàu (HMS): ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ Hệ thống lặn (DVS): ☐ Định kỳ ☐ Hàng năm ☐ Bất thường

(3) Kiểm tra theo luật

- ☐ Mạn khô (LL) ☐ Cấp mới ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ An toàn kết cấu (SC) ☐ Cấp mới ☐ Trung gian ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ An toàn trang thiết bị (SE) ☐ Cấp mới ☐ Chu kỳ ☐ Hàng năm ☐ Bất thường
- ☐ An toàn vô tuyến điện (SR) ☐ Cấp mới ☐ Chu kỳ ☐ Bất thường

- | | | | | |
|--|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| ☐ Phù hợp chở hóa chất (CHM) | ☐ Cấp mới | ☐ Trung gian | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |
| ☐ Phù hợp chở khí hóa lỏng (GAS) | ☐ Cấp mới | ☐ Trung gian | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |
| ☐ Phù hợp chở hàng n.hiễm (CDG) | ☐ Cấp mới | | | ☐ Bất thường |
| ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm dầu (OPP) | ☐ Cấp mới | ☐ Trung gian | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |
| ☐ N.ngừa ô nhiễm chất lỏng độc(NLS) | ☐ Cấp mới | ☐ Trung gian | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |
| ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm nước thải (SPP) | ☐ Cấp mới | | | ☐ Bất thường |
| ☐ Ngăn ngừa ô nhiễm không khí (APP) | ☐ Cấp mới | ☐ Trung gian | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |
| ☐ Hệ thống chống hà (AFS) | ☐ Cấp mới | | | ☐ Bất thường |
| ☐ Khu vực sinh hoạt th.viên (ILO) | ☐ Cấp mới | | | ☐ Bất thường |
| ☐ Tàu khách (PS) | ☐ Cấp mới | | | ☐ Bất thường |
| ☐ Tàu cao tốc (HSC) | ☐ Cấp mới | | ☐ Hàng năm | ☐ Bất thường |

(4) Kiểm tra khác

☐ Kiểm tra khác (Nội dung: _____)

2. Giấy chứng nhận đề nghị cấp/xác nhận (Đánh dấu vào ô tương ứng)

- | | | |
|--|--|--|
| ☐ Giấy chứng nhận cấp tàu | ☐ Giấy chứng nhận đăng ký hệ thống | ☐ Giấy chứng nhận thử tải thiết bị nâng hàng |
| ☐ Giấy chứng nhận mạn khô | ☐ Giấy chứng nhận tàu khách | ☐ Giấy chứng nhận tàu cao tốc |
| ☐ Giấy chứng nhận an toàn kết cấu | ☐ Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị | |
| ☐ Giấy chứng nhận an toàn vô tuyến điện | ☐ Giấy chứng nhận phù hợp chở hóa chất | ☐ Giấy chứng nhận phù hợp chở khí |
| ☐ Giấy chứng nhận phù hợp chở hàng nguy hiểm | ☐ Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm do dầu | ☐ Giấy chứng nhận n.ngừa ô nhiễm chất lỏng độc |
| ☐ Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm nước thải | ☐ Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm không khí | ☐ Giấy chứng nhận hệ thống chống hà |
| ☐ Giấy chứng nhận miễn giảm (_____) | ☐ Giấy chứng nhận dung tích quốc tế | ☐ Giấy chứng nhận khu vực sinh hoạt thuyền viên |
| ☐ Giấy chứng nhận phù hợp chở xô hàng rời | ☐ Giấy chứng nhận khả năng đi biển | ☐ Giấy phép khai thác tàu cao tốc |
| ☐ Giấy chứng nhận khác (_____) | | |

CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Địa điểm và thời gian kiểm tra:**

(1) Địa điểm kiểm tra: _____

(2) Thời gian kiểm tra: _____

(3) Tên đại lý: _____

(4) Người liên lạc: _____ Điện thoại: _____

Fax: _____ Thư điện tử: _____

2. Các lưu ý:

Phụ lục IV

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ DUYỆT TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÀU BIỂN
*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ DUYỆT TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÀU BIỂN

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Tên tàu:

Số thân tàu:..... Ngày đặt sông chính:.....

Số Phân cấp:..... Số IMO⁽¹⁾:

Chủ tàu/Công ty quản lý tàu:

Kiểu và công dụng của tàu:

Ký hiệu cấp tàu:

Tổng dung tích (GT):..... Trọng tải toàn phần (DW):.....(T)

Nhà máy đóng tàu:

Vùng hoạt động: Biển nội địa/Biển quốc tế⁽²⁾

Tài liệu hướng dẫn đề nghị duyệt:.....

.....

.....

.....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí duyệt tài liệu theo quy định hiện hành.

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Ghi chú: (1) Nếu có

(2) Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Phụ lục V**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN ĐÓNG MỚI**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN ĐÓNG MỚI**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Tên/ký hiệu thiết kế:

Các thông số chính của tàu:

Chiều dài ($L_{\max}/L$):..... (m)

Chiều rộng ($B_{\max}/B$):..... (m)

Chiều cao mạn (D):

Chiều chìm thiết kế lớn nhất (d):..... (m)

Tổng dung tích (GT):.....

Trọng tải toàn phần (DW):

Số lượng thuyền viên tối đa trên tàu:

Số lượng hành khách/người khác tối đa trên tàu:

Ký hiệu máy chính:..... Số lượng:..... (chiếc); Công suất:

Vật liệu thân tàu:

Kiểu và công dụng của tàu:

Loại hàng chuyên chở:

Tốc độ thiết kế của tàu:

Cấp thiết kế dự kiến:.....

Vùng hoạt động: Biển nội địa; Biển quốc tế(*)

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Nơi đóng:.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

Người đề nghị

(Ký tên & đóng dấu)

(*) Gạch bỏ nếu không phù hợp

Phụ lục VI**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN
HOÁN CẢI/SỬA ĐỔI**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN HOÁN CẢI/SỬA ĐỔI⁽¹⁾**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Tên tàu/ký hiệu thiết kế ban đầu:/

Ký hiệu thiết kế mới (nếu có):

Số Phân cấp/Phân biệt⁽²⁾:..... Số IMO⁽²⁾:.....

Chủ tàu:

Nội dung đề nghị hoán cải/sửa đổi⁽¹⁾:

.....
.....
.....
.....
.....

Vùng hoạt động sau hoán cải/sửa đổi⁽¹⁾: Biển nội địa/Biển quốc tế⁽¹⁾

Nơi thi công:

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Ghi chú: (1) Gạch bỏ nếu không phù hợp

(2) Nếu có.

Phụ lục VII**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC
NGOÀI THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO TÀU BIỂN
VIỆT NAM****APPLICATION FOR AUTHORIZING FOREIGN RECOGNIZED
ORGANIZATION TO CARRY OUT SURVEY AND ISSUE
CERTIFICATE FOR VIETNAM SEA-GOING SHIP**

Kính gửi:.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị (Applicant):.....

Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Tel):..... Fax:.....

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 và Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam, chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm:

Pursuant to the Vietnam Maritime Code 2005 and Decision No. 51/2005/QĐ-BGTVT dated 12 October 2005 of Minister of Transport concerning promulgation of Regulation on registration of Vietnam sea-going ships, we would like to request Vietnam Register to authorize the recognized organization:

.....

Thực hiện việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được nêu dưới đây cho tàu biển:

To carry out necessary surveys and issue the below listed maritime safety and environment protection certificates to the following ship:

Tên tàu (Ship's Name):..... Cảng đăng ký (Port of Registry):

Số đăng ký (Registry Number):..... Số IMO (IMO Number):

Năm đóng (Year of Build):..... Hồ hiệu (Call Sign):

Nơi đóng (Place of Build):..... Tổng dung tích (Gross Tonnage):

Chủ tàu (Owner):.....

Người quản lý/khai thác tàu (Manager/Operator):

Danh sách các giấy chứng nhận đề nghị cấp (ghi “X” vào ô thích hợp)

List of certificates requested to be issued (mark appropriate box with “X”)

- | | |
|---|---|
| ☐ GCN Cấp tàu
(Cert. of Classification) | ☐ GCN Mạn khô
(Load Line Cert.) |
| ☐ GCN An toàn kết cấu tàu hàng
(Cargo Ship Safety Construction Cert.) | ☐ GCN An toàn trang thiết bị tàu hàng
(Cargo Ship Safety Equipment Cert.) |
| ☐ GCN An toàn vô tuyến điện tàu hàng
(Cargo Ship Safety Radio Cert.) | ☐ GCN An toàn tàu khách
(Passenger Ship Safety Cert.) |
| ☐ GCN An toàn tàu cao tốc
(High Speed Craft Safety Cert.) | ☐ GCN Ngăn ngừa ô nhiễm do dầu
(Oil Pollution Prevention Cert.) |
| ☐ GCN Ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng
độc chở xô
(Noxious Liquid Substance Pollution
Prevention Cert.) | ☐ GCN chở hóa chất
(Chemical Cert.) |
| ☐ GCN chở khí
(Gas Cert.) (Cargo Gear Certificate) | ☐ GCN thiết bị nâng hàng |
| ☐ Sổ đăng ký thiết bị nâng hàng
(Cargo Gear Register) | ☐ GCN khác
Other |

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (Ký tên, đóng dấu)
APPLICANT (Sign and Seal)

Phụ lục VIII
MẪU VĂN BẢN ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO
TÀU BIỂN VIỆT NAM

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số:
Ref. No.

Địa điểm..... Ngày.....
Place Date

VĂN BẢN ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM
AUTHORIZATION LETTER FOR FOREIGN RECOGNIZED ORGANIZATION
TO CARRY OUT SURVEY AND ISSUE CERTIFICATE FOR VIETNAM
SEA-GOING SHIP
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER

Căn cứ vào Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2005, Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam,

Pursuant to the Vietnam Maritime Code 2005, Decision No. 51/2005/QĐ-BGTVT dated 12 October 2005 of Minister of Transport concerning promulgation of Regulation on registration of Vietnam sea-going ships,

Xét Đề nghị số:..... ngày.....

Having considered Application No.: dated

của:.....

of:

ỦY QUYỀN:.....

AUTHORIZES:

Thực hiện việc kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được nêu dưới đây cho tàu biển:

To carry out necessary survey and issue the below listed maritime safety and environment protection certificates to the following ship:

Tên tàu (Ship's Name):..... Cảng đăng ký (Port of Registry):

Số đăng ký (Registry Number):..... Số IMO (IMO Number):

Hồ hiệu (Call Sign):..... Tổng dung tích (Gross Tonnage):

Chủ tàu (Owner):

Người quản lý/khai thác tàu (Manager/Operator):

TT No.	Tên giấy chứng nhận Name of Certificate	Quy phạm, tiêu chuẩn, công ước áp dụng Applicable rules, standards, conventions

Việc kiểm tra và cấp giấy chứng nhận nói trên phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và

The above-mentioned survey and certification shall be carried out in compliance with provisions of Decision No. 51/2005/QĐ-BGTVT dated 12 October 2005 of Minister of Transport and

Thỏa thuận đã ký giữa CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM và..... ngày.....

the Agreement signed between VIETNAM REGISTER and on

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER

Phụ lục IX**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TRẠNG THÁI KỸ THUẬT
TÀU BIỂN NHẬP KHẨU**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
TRẠNG THÁI KỸ THUẬT TÀU BIỂN NHẬP KHẨU**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Tên tàu:

Quốc tịch:..... Số IMO:

Tổ chức phân cấp tàu:..... Số phân cấp:

Chủ tàu:

Công ty quản lý tàu:

Công dụng của tàu:

Tổng dung tích (GT):..... Trọng tải toàn phần (DW):..... (tấn)

Số thân tàu:..... Ngày đặt sông chính:

Nhà máy đóng tàu:

Tàu đã được kiểm tra giám định bởi:

.....

.....

.....

Địa điểm kiểm tra giám định:

Ngày kiểm tra giám định:

Hồ sơ giám định kỹ thuật được gửi kèm theo giấy đề nghị này.

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu theo
quy định hiện hành.

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục X**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ
CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CHO
CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ cho (các) cán bộ quản lý an toàn công ty theo quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM) cho (những) người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số điện thoại

01 ảnh màu cỡ 4 x 6 (cm) của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo giấy đề nghị này.

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp chứng chỉ huấn luyện theo quy định hiện hành.

Người đề nghị

(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục XI**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN
NĂNG LỰC TRẠM THỦ, PHÒNG THÍ NGHIỆM, CƠ SỞ CHẾ TẠO
LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN**

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN NĂNG LỰC TRẠM
THỦ, PHÒNG THÍ NGHIỆM, CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT
LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận công nhận năng lực trạm thử/phòng thí nghiệm/cơ sở sản xuất¹⁾ (sau đây gọi là “cơ sở”) được nêu đây liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển:

Tên cơ sở:.....

.....

Địa chỉ cơ sở:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Các dịch vụ/sản phẩm¹⁾ do cơ sở cung cấp/chế tạo¹⁾:.....

.....
.....
.....

Ngày dự kiến kiểm tra cơ sở:.....

Sổ tay chất lượng, sơ đồ tổ chức và các quy trình làm việc liên quan của cơ sở được gửi kèm theo giấy đề nghị này.

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Ghi chú:

¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Phụ lục XII**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN**

(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN**

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho công-te-nơ/máy/trang thiết bị¹⁾ sử dụng trên tàu biển (sau đây gọi là “thiết bị”) được nêu đây:

Tên thiết bị:.....

.....

.....

Tên, địa chỉ nhà sản xuất:.....

Ngày sản xuất:.....

Thời gian kiểm tra dự kiến:.....

Địa điểm kiểm tra:.....

Thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử thiết bị trong quá trình sản xuất được gửi kèm theo giấy đề nghị này.

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Người đề nghị

(Ký tên & đóng dấu)

Ghi chú:

¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Phụ lục XIII**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ THỢ HÀN, NHÂN VIÊN KIỂM TRA VẬT LIỆU VÀ CHẤT LƯỢNG ĐƯỜNG HÀN TÀU BIỂN BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÔNG PHÁ HỦY**

(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN, NHÂN VIÊN KIỂM TRA VẬT LIỆU VÀ CHẤT LƯỢNG ĐƯỜNG HÀN TÀU BIỂN BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÔNG PHÁ HỦY

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận thợ hàn/nhân viên kiểm tra vật liệu và chất lượng đường hàn tàu biển bằng phương pháp không phá hủy¹⁾ theo quy định của Quy phạm Phân cấp và Đóng tàu biển vỏ thép cho (những) người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số điện thoại

Thời gian và địa điểm dự kiến kiểm tra tay nghề:.....

.....
.....
.....

02 ảnh màu cỡ 4 x 6 (cm) của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo giấy đề nghị này.

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Người đề nghị
(Ký tên & đóng dấu)

Ghi chú:

¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Phụ lục XIV**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
AN TOÀN CỦA CÔNG TY**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA CÔNG TY
APPLICATION FOR AUDIT OF COMPANY SMS

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi:.....

Chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:

We request VR to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

Loại hình đánh giá <i>Type of Audit</i>	☐ Lần đầu/ <i>Initial</i> ☐ Hàng năm/ <i>Annual</i> ☐ Cấp mới/ <i>Renewal</i> ☐ Sơ bộ/ <i>Issuing Interim DOC</i> ☐ Bổ sung - lý do/ <i>Additional-for:</i>
Công ty <i>Company</i>	Tên Công ty/ <i>Company name:</i> Số nhận dạng/ <i>Company IMO Number:</i> Địa chỉ/ <i>Address:</i> Địa chỉ giao dịch/ <i>Postal Address:</i> (nếu khác ở trên/ <i>if different from above</i>) Số DOC (nếu có)/ <i>DOC No.(if any):</i> Telephone No.: Fax No.: Người đại diện/ <i>Person in Charge:</i> Chức vụ/ <i>Position:</i> Mobile No.: Địa chỉ e-mail: Số lượng nhân viên trong HTQLAT/ <i>Number of employer in Company SMS:</i> Danh sách (các) tàu trong HTQLAT (xem danh sách đính kèm)/ <i>List of ship(s) in Company SMS (see attached list):</i>

	Danh sách các chi nhánh chịu trách nhiệm trong việc quản lý tàu (xem danh sách đính kèm)/ <i>List of branch responsible for management of ship (see attached list):</i>		
Loại tàu <i>Audit Scope</i>	☐ Tàu chở dầu/ <i>Oil Tanker</i> ☐ Tàu chở hóa chất/ <i>Chemical Tanker</i> ☐ Tàu chở khí hóa lỏng/ <i>Gas Carrier</i>	☐ Tàu chở hàng xô/ <i>Bulk Carrier</i> ☐ Tàu chở khách/ <i>Passenger Ship</i> ☐ Tàu hàng khác/ <i>Other Cargo Ship</i>	☐ Tàu chở khách cao tốc/ <i>Passenger HSC</i> ☐ Tàu hàng cao tốc/ <i>Cargo HSC</i> ☐ Dàn khoan di động/ <i>MODU</i>
Dự kiến đánh giá <i>Audit Schedule</i>	Ngày dự kiến/ <i>Proposed Date:</i>		

Cơ quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận/All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by:

Công ty/Company:

Địa chỉ/Address:

Mã số thuế/Tax Code:

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/*Date:*

Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

(*): Trong trường hợp đánh giá lần đầu hoặc đánh giá để cấp DOC tạm thời, đề nghị Công ty gửi kèm theo đơn: Sổ tay quản lý an toàn và các quy trình liên quan tới hệ thống quản lý an toàn của Công ty. (*In case of Initial Audit or Audit for issuing Interim DOC, Safety Management Manual and Procedures related to SMS must be submitted.*)

Please return the completed form to the following address:

Trung tâm chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn (VRQC)

Tel: (84) 4 37684715 Fax: (84) 4 37684720

Email: vietnk@vr.org.vn, truongpt@vr.org.vn

DANH SÁCH CÁC TÀU HIỆN CÔNG TY ĐANG QUẢN LÝ
LIST OF THE SHIPS CURRENTLY UNDER COMPANY'S MANAGEMENT

[illegible]

Phụ lục XV
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
AN TOÀN CỦA TÀU BIỂN

*(Bổ sung vào Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA TÀU BIỂN
APPLICATION FOR AUDIT OF SHIPBOARD SMS

Số:..... Ngày:.....

Kính gửi/To:.....

Chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:

We request VR to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

Loại hình đánh giá Type of Audit	☐ Lần đầu/ <i>Initial</i> ☐ Trung gian/ <i>Intermediate</i> ☐ Cấp mới/ <i>Renewal</i> ☐ Sơ bộ/ <i>Issuing Interim DOC</i> ☐ Bổ sung-lý do/ <i>Additional-for:</i>	
Tàu Ship	Tên tàu/ <i>Ship name:</i>	Hồ hiệu/ <i>Call sign:</i>
	Loại tàu/ <i>Type:</i>	Số IMO/ <i>IMO No.:</i>
	Treo cờ/ <i>Flag:</i>	Số đăng ký/ <i>Official No.:</i>
	Cảng đăng ký/ <i>Port of Registry:</i>	Tổng dung tích/ <i>Gross Tonnage:</i>
	Đăng kiểm/ <i>Classification:</i>	Số phân cấp/ <i>Class No.:</i>
	Số SMC (nếu có)/ <i>SMC No. (if any):</i>	Năm đóng/ <i>Year of Build:</i>
Công ty Company	Tên Công ty/ <i>Company name:</i>	
	Số nhận dạng/ <i>Company IMO Number:</i>	
	Địa chỉ/ <i>Address:</i>	

	Số DOC (nếu có)/DOC No. (if any):
	Telephone No.: Fax No.:
	DOC/IDOC No.:
	Ngày đánh giá hàng năm gần nhất/Date of Last Annual Audit:
	Thời hạn đánh giá hàng năm từ ngày/Due Range of Annual Audit from: đến ngày/to:
Dự kiến đánh giá Audit Schedule	Ngày/Date:
	Địa điểm/Place:
	Đại lý liên hệ/Name of Agent:
	Telephone No.: Fax No.: Email:

Cơ quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận/*All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by:*

Công ty/Company:

Địa chỉ/Address:

Mã số thuế/Tax Code:

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/Date:

Đại diện Công ty/Signature of Applicant

**Sau khi điền đầy đủ các thông tin đề nghị Công ty gửi đơn này theo địa chỉ/
Please return the completed form to the following address:**

Cục Đăng kiểm Việt Nam (VIETNAM REGISTER)

Trung tâm chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn (VRQC)

18 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84) 4 37684715 Fax: (84) 4 37684720

Email: vietnk@vr.org.vn, truongpt@vr.org.vn